TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST Ngày 26 tháng 6 năm 2023 V/v tranh chấp hôn nhân gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo

Bà Nguyễn Thị Phẩm

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Yến – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2023/TB-TLVA ngày 10/4/2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/6/2023 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H - sinh năm 1984

Địa chỉ nơi đăng ký thường trú: Khu 2, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Địa chỉ hiện nay: Macao, Trung Quốc. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người được chị H ủy quyền nhận các văn bản tố tụng:

1. Chị Lê Thị Bình T, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm Bắc Châu, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1998; địa chỉ: Xóm Đồng Hương, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

-*Bị đơn*: Anh Lương Quốc C - sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu 1, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày: Chị và anh Lương Quốc C có đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 07/11/2003 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận. Đến năm 2013, vợ chồng anh chị thường

xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn tới tình cảm vợ chồng không còn như trước. Năm 2015, chị đi lao động tại Ma Cao, Trung Quốc và sinh sống, làm việc ổn định tại Ma Cao từ đó cho đến nay. Khoảng cách địa lý càng làm cho tình cảm vợ chồng anh chị thêm xa cách và các mâu thuẫn trở nên nghiêm trọng; mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn giữa hai người vẫn không thể giải quyết được.

Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, chị đề nghị Toà xem xét giải quyết cho chị và anh C ly hôn cũng như đề nghị những nội dung liên quan cụ thể như sau:

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là cháu Lương Văn T, sinh ngày 30/7/2004, hiện nay cháu T đã trưởng thành, lao động tự túc được nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn là anh Lương Quốc C có quan điểm: Anh không khai báo gì với Tòa án, cũng không đề nghị Tòa án lấy lời khai anh trong vụ án. Về việc chị H xin ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt anh trong toàn bộ quá trình tiến hành tố tụng vụ án.

Cháu Lương Văn T là con chung của anh C và chị H trình bày: Từ khi cháu sinh ra thì cuộc sống gia đình bố mẹ cháu vẫn hòa thuận cho đến đầu năm 2020 thì cháu thấy giữa bố mẹ cháu xảy ra nhiều mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau rất căng thẳng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đã tiến hành theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 51, 56 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Lương Quốc C.

Về con chung: Con chung là cháu Lương Văn T đã trưởng thành, lao động tự túc được nên không đặt ra yêu cầu về cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp và tài sản cho vay: Đương sự không có yêu cầu trong vụ án này nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị H gửi đơn khởi kiện ly hôn anh Lương Quốc C tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ và cung cấp thẻ định danh cho người lao động tại Ma Cao, Trung Quốc. Căn cứ Công văn số 5701/QLXNC-P5 ngày 21/3/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh thì chị H đã xuất nhập cảnh 14 lần, lần gần nhất là ngày 08/3/2023 và chưa có thông tin nhập cảnh về nước tính đến ngày 21/3/2023. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quan hệ tranh chấp được xác định trong vụ án là "tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Quá trình giải quyết vụ án, chị H là nguyên đơn và anh Triển, bà Tiên là người được chị H ủy quyền, anh C là bị đơn đều có đề nghị xét xử vắng mặt, do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Lương Quốc C có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày cảu chị H thì do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ. Tại đơn khởi kiện cũng như bản tự khai tại Tòa án, chị H đều đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C và có đơn từ chối hòa giải đoàn tụ với anh C, điều đó thể hiện ý chí, nguyện vọng dứt khoát về yêu cầu được giải quyết ly hôn của chị H.

Mặc dù anh C không có lời khai gì trong hồ sơ vụ án song căn cứ vào lời khai của cháu Lương Văn T là con chung của anh C và chị H thì anh C và chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn rất căng thẳng do bất đồng quan điểm sống như lời trình bày của chị H là đúng sự thật.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị H và anh C mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về con chung:

Chị H và anh C có 01 con chung là cháu Lương Văn T, sinh ngày 30/7/2004. Hiện nay cháu T đã trưởng thành, lao động tự túc được nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 51, 56 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H. Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Lương Quốc C.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0000476 ngày 07/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ do anh Nguyễn Văn Triển là người được chị H ủy quyền nộp thay.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trong hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS+AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Toàn